TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 27-7-2018
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyền;

Bà Lê Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018, về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Kim Đ, sinh năm: 1986; cư trú tại: Ấp Phước N, xã Phước M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Thanh P, sinh năm: 1981; cư trú tại: Ấp Phước N, xã Phước M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Lê Minh D, sinh năm: 1984; cư trú tại: Ấp Phước T, xã Phước N, huyện D, tỉnh Tây Ninh, theo Văn bản ủy quyền ngày 02-01-2018; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập):*

- Chị Trần Thị T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp B, xã Phước M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Chị Ngô Thị Yến B, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp B, xã Phước M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Anh Đỗ Thanh P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-11-2017 và trong quá trình cung cấp chứng cứ nguyên đơn chị Nguyễn Kim Đ trình bày:

Chị và anh P đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 359/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 01-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau khi ly hôn sau chị và anh P không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tài sản, nợ chung nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu được hưởng ½ giá trị tài sản của vợ chồng, nhưng trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm chị đã rút yêu cầu về chia tài sản chung.

Về nợ chung vợ chồng chị có nợ gồm:

- Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện D số tiền gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 5702LAV201705974 ngày 02-8-2017.

- Nợ chị Trần Thị T số tiền hụi 52.000.000 đồng.

- Nợ chị Ngô Thị Yến B số tiền hụi 48.000.000 đồng.

Đối với số nợ Ngân hàng NN - Chi nhánh huyện D, anh P đã tự nguyện trả xong số tiền gốc và lãi 137.689.500 đồng vào ngày 26-01-2018.

Hiện nay vợ chồng còn nợ chị T và chị B tổng cộng tiền hụi là 100.000.000 đồng, chị đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị T và chị B. Yêu cầu anh P cùng có trách nhiệm trả nợ vì đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Thanh P trình bày:

Anh P và chị Đ đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 359/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01-11-2017, của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh và chị Đ không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tài sản nên chị Đ làm đơn khởi kiện ra tòa. Về tài sản chung anh cũng yêu cầu được hưởng ½ giá trị tài sản của vợ chồng. Nhưng tại Tòa án sơ thẩm chị Đ rút yêu cầu chia tài sản chung, anh cũng đồng ý và không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng không nợ ai.

Theo đơn khởi kiện ngày 03-01-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T trình bày: Chị có làm chủ hụi nên chị Đ có tham gia góp 03 phần hụi như sau:

Phần hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-4-2016 (Al), có 20 phần, chị Đ tham gia 01 phần, đã lĩnh hụi lần thứ 10 được 31.400.000 đồng, sau khi lĩnh hụi chị Đ góp lại được 09 lần thì ngưng, nay chị Đ còn nợ 01 lần là: 2.000.000 đồng (kết thúc ngày 10-10-2017).

Phần hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20-7-2016 (Al), có 20 phần, chị Đ tham gia 01 phần, đã lĩnh hụi lần thứ 03 được 30.200.000

đồng, sau khi lĩnh hụi chị Đ góp lại được 13 lần, còn nợ 04 lần là: 8.000.000 đồng (kết thúc ngày 20-01-2018).

Phần hụi thứ ba: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20-5-2017 (Al), có 20 phần, chị Đ tham gia 01 phần, đã lĩnh hụi lần thứ 01 được 34.600.000 đồng, sau khi lĩnh hụi chị Đ góp lại được 05 lần, còn nợ 14 lần là: 42.000.000 đồng (kết thúc ngày 20-11-2018). Tổng cộng hiện nay chị Đ và anh P còn nợ là: 52.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị Đ và anh P cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi đến khi kết thúc là 52.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn khởi kiện ngày 03-01-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị B trình bày: Chị có làm chủ hụi nên chị Đ có tham gia góp một phần hụi 3.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 24-5-2017 (Al), có 21 phần, lĩnh hụi lần thứ 01, được 44.000.000 đồng sau khi lĩnh hụi chị Đ góp được 04 lần thì ngưng (24-9-2017) nay còn nợ lại 16 lần là 48.000.000 đồng (kết thúc ngày 24-11-2018 Al).

Chị yêu cầu chị Đ và anh P có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi đến khi kết thúc là 48.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ về việc yêu cầu chia tài sản chung giữa chị Nguyễn Kim Đ đối với anh Đỗ Thanh P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với chị Nguyễn Kim Đ và anh Đỗ Thanh P về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc chị Nguyễn Kim Đ và anh Đỗ Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị T số tiền nợ hụi là 52.000.000 đồng (Trong đó anh P có nghĩa vụ trả 26.000.000 đồng, chị Đ trả 26.000.000 đồng), ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi suất.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Yến B đối với chị Nguyễn Kim Đ và anh Đỗ Thanh P về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc chị Nguyễn Kim Đ và anh Đỗ Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị Yến B số tiền nợ hụi là 48.000.000 đồng (Trong đó anh P có nghĩa vụ trả 24.000.000 đồng, chị Đ có nghĩa vụ trả 24.000.000 đồng), ghi nhận chị B không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, anh Đỗ Thanh P có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết theo hướng không buộc anh có

trách nhiệm liên đới cùng chị Nguyễn Kim Đ trả nợ cho chị Trần Thị T và chị Ngô Thị Yến B như bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Thanh P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng**:**

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2017 của chị Nguyễn Kim Đ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn giữa chị và anh Đỗ Thanh P.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, giữ yêu cầu về chia nợ chung.

Theo Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự về thay đổi địa vị tố tụng quy định: "*…. 2. Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của mình thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trở thành nguyên đơn, người bị khởi kiện theo yêu cầu độc lập trở thành bị đơn.*"

Trong vụ án này, chị Đ chỉ rút một phần yêu cầu về chia tài sản, giữ nguyên yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng. Cấp sơ thẩm xác định có sự thay đổi địa vị tố tụng giữa nguyên đơn chị Đ, bị đơn anh P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Ngô Thị Yến B, Trần Thị T là không chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P có lập văn bản ủy quyền cho anh Lê Minh D tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh D vắng mặt không lý do. Bị đơn anh P đề nghị Tòa án tiếp tục phiên tòa, anh P chấm dứt ủy quyền đối với anh D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 90 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của anh Đỗ Thanh P, thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đ, anh P, chị B, chị T đều xác định: Chị Đ là người trực tiếp chơi hụi và việc góp hụi xảy ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Đ và anh P. Chị Đ xác nhận, số tiền góp hụi chị dùng để trang trãi cuộc sống chung vợ chồng, góp vốn xây nhà, mua sắm vật dụng, trang thiết bị trong nhà. Tất cả việc

tham gia góp hụi và sử dụng tiền góp hụi vào mục đích gì, anh P đều biết. Do đó, số tiền hốt hụi chị Đ đã sử dụng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

[2.2] Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 123) anh P thừa nhận: Anh và chị Đ có thỏa thuận, nếu chị Đ giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng thì anh đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, chị T và chị B; nên ngày 26-01-2018 anh đã tự nguyện trả nợ xong cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi 137.689.500 đồng, sau đó chị Đ thay đổi thỏa thuận không giao tài sản cho anh. Do vậy đối với số nợ của chị T 52.000.000 đồng và của chị B 48.000.000 đồng là nợ riêng của chị Đ, không phải nợ chung của vợ chồng. Chị Đ có trách nhiệm trả nợ cho chị T và chị B, anh không liên quan đến số nợ này.

[2.3] Mặc nhiên anh P thừa nhận vợ chồng có nợ: Ngân hàng, nợ tiền hụi chị B và chị T, chỉ do vợ chồng anh P, chị Đ không thỏa thuận được việc tự giải quyết phân chia tài sản và nợ chung, nên anh P không thừa nhận có nợ tiền hụi chị B và chị T. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định phần số tiền hụi 52.000.000 đồng của chị Trần Thị T và số tiền hụi 48.000.000 đồng của chị Ngô Thị Yến B là nợ chung của chị Đ và anh P; buộc chị Đ và anh P có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cho chị B, chị T là có căn cứ.

[2.4] Anh P còn kháng cáo về phần án phí dân sự sơ thẩm, anh không chấp nhận chịu khoản tiền án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh P và chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Thanh P; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo của anh Đỗ Thanh P không được chấp nhận, nên anh P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Thanh P.

- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 471, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 90, Điều 147, 148, 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ về yêu cầu chia tài sản chung giữa chị Nguyễn Kim Đ đối với anh Đỗ Thanh P.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kim Đ về "Tranh chấp chia nợ chung" đối với anh Đỗ Thanh P

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T và chị Ngô Thị Yến B đối với chị Nguyễn Kim Đ và anh Đỗ Thanh P

3.1, Buộc chị Nguyễn Kim Đ và anh Đỗ Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị T số tiền nợ hụi là 52.000.000 đồng (trong đó anh P có nghĩa vụ trả 26.000.000 đồng, chị Đ trả 26.000.000 đồng), ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi suất.

3.2, Buộc chị Nguyễn Kim Đ và anh Đỗ Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ngô Thị Yến B số tiền nợ hụi là 48.000.000 đồng (trong đó anh P có nghĩa vụ trả 24.000.000 đồng, chị Đ có nghĩa vụ trả 24.000.000 đồng), ghi nhận chị B không yêu cầu tính lãi suất.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Đỗ Thanh P phải chịu 2.500.000 đồng.

- Chị Nguyễn Kim Đ phải chịu 2.500.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.837.500 đồng, theo Biên lai thu số: 0015971 ngày 04-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho chị Đ số tiền 6.337.500 đồng.

- Chị Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền 1.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0010078 ngày 03-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Chị Ngô Thị Yến B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị B số tiền 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0010078 ngày 03-01-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Đỗ Thanh P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số:

0010476, ngày 02-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; anh P đã nộp đủ án phí phúc thẩm dân sự.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TANDH. DMC;
- Chi cục THADSH. DMC;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Sang